

SỰ LỰA CHỌN CÁC HOẠT ĐỘNG NGOÀI SÁCH GIÁO KHOA ĐỂ GIẢNG DẠY KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH

Lê Thị Thái Trân và các cộng sự¹³

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm điều tra sự lựa chọn của các giáo viên EFL (tiếng Anh như một ngôn ngữ nước ngoài) về các hoạt động ngoài sách giáo khoa để dạy kỹ năng nói và khám phá các loại hoạt động mà giáo viên thường đưa vào lớp học của họ nếu họ có cơ hội, ngoài các hoạt động và nhiệm vụ trong sách giáo khoa. Bên cạnh đó, nó nhằm mục đích hiểu sâu hơn các tiêu chí mà giáo viên sử dụng khi họ lựa chọn các hoạt động đó. Ba câu hỏi được đặt ra để nghiên cứu là: (1) Loại hoạt động nào mà giáo viên thường đưa vào lớp học nếu họ có cơ hội, ngoài các hoạt động hoặc nhiệm vụ trong sách giáo khoa? (2) Họ sẽ sử dụng các hoạt động này ở giai đoạn nào? (3) Tại sao họ chọn những hoạt động này trong lớp học nói của họ? Dữ liệu bảng câu hỏi được thu thập từ 20 giáo viên tiếng Anh và dữ liệu phỏng vấn chọn ngẫu nhiên 5 giáo viên tiếng Anh tại một trường đại học dân lập ở TP Cần Thơ. Những phát hiện trong nghiên cứu này đã làm sáng tỏ cách giáo viên lựa chọn và sử dụng các hoạt động bổ sung để dạy nói. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng giúp cung cấp sự hiểu biết thêm về lý do tại sao các tài liệu, hoạt động này được đưa vào lớp học trong các bài học nói. Nó cho thấy những nỗ lực của giáo viên trong việc thiết kế bài học và việc sử dụng hiệu quả các tài liệu sách giáo khoa để tạo ra một môi trường giao tiếp cho sinh viên. Dựa trên kết quả phân tích dữ liệu, có thể kết luận rằng các hoạt động ngoài sách giáo khoa đã được lồng ghép hoặc sửa đổi để bổ sung cho các hoạt động trong sách giáo khoa và nó thực sự mang lại hiệu quả hơn trong các lớp học nói.

Từ khóa: tài liệu giảng dạy, hoạt động ngoài sách giáo khoa, kỹ năng nói, giáo viên EFL và đại học

Abstract: This research aimed to investigate EFL (English as Foreign Language) teachers' choice of out-of-textbook activities for teaching speaking skills and explore the types of activities the teachers often bring into their classroom if they have chance, apart from the activities and tasks in the textbook. Besides, it aims to gain insights to the criteria that the teachers use when they select those activities. Three questions are posed: (1) What type of activities do teachers often bring into their classroom if they have a chance, apart from the activities or tasks in the textbook? (2) At what stage would they use these activities? (3) Why would they choose these activities in their speaking class? The questionnaire data were

¹³ Trần Thị Thùy, Dương Minh Tuấn, Phạm Đình Quốc, Nguyễn Hai Khoa, Trần Thanh Nga, Lê Trung Kiên, Đặng Vũ Hoài Nhân, Đào Thị Thái, Nguyễn Huỳnh Huệ Thư, Lương Tú Ngân, Lê Thị Diễm Lan.

collected from 20 English teachers and the interview data from choosing randomly 5 English teachers at a private university in Can Tho city. The findings in this study have shed lights on how teachers chose and used supplementary activities for teaching speaking. Besides, the study also helps provide an understanding of the reasons why these materials, activities are brought into the classroom in speaking lessons. It shows the efforts the teachers make to design their lessons reasonably and use out of textbook materials effectively so as to create a communicative environment for their students. Based on the result of the data analysis it can be concluded that the out-of-textbook activities were integrated or modified to supplement the textbook activities and to be more effective in speaking classrooms.

Keywords: *teaching materials, out-of-textbook activities, speaking skill, EFL teachers, university.*

1. Đặt vấn đề

Nói bằng ngôn ngữ thứ hai được coi là thách thức nhất trong bốn kỹ năng ngôn ngữ (Bailey, 2006, trích dẫn trong Soraya 2010). Do tầm quan trọng to lớn của kỹ năng nói, các hoạt động hữu ích nên được sử dụng để mang lại cho người học nhiều cơ hội hơn để thực hành nói trong lớp học cũng như khuyến khích một môi trường tương tác để hỗ trợ cho việc học ngôn ngữ. Về mặt này, việc sửa đổi hoặc bổ sung các hoạt động bổ trợ được coi là một kỹ thuật nổi bật để thúc đẩy cơ hội nói. Theo nhiều nhà lý luận giảng dạy, kỹ năng nói có thể được phát triển thông qua một số hoạt động bổ trợ như khoảng trống thông tin, câu đố ghép hình, trò chơi, giải quyết vấn đề và nhập vai, v.v... Harmer (1983) cũng ủng hộ quan điểm này rằng các hoạt động là yếu tố chính trong việc dạy và học ngôn ngữ giao tiếp. Ngoài ra, Hedge (2001) cũng ủng hộ rằng thảo luận và đóng vai có thể hỗ trợ kỹ năng nói tốt hơn.

Trong những năm gần đây, hệ thống giáo dục của Việt Nam đang dần thay đổi theo sự thay đổi của xã hội và sự phát triển chung của toàn cầu. Nói thông thạo tiếng Anh trở thành mục tiêu của việc dạy và học ngôn ngữ trong bối cảnh giảng dạy Việt Nam. Chính vì tầm quan trọng của tiếng Anh, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 với mục tiêu đổi mới triệt để nhiệm vụ dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020. Việc phát triển xã hội hóa giáo dục và việc học tập của học sinh chủ yếu phụ thuộc vào sự tương tác giữa giáo viên và học sinh (Johnson, 1981). Trên thực tế, những người học tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL) thường gặp nhiều khó khăn khi nói. Các vấn đề có thể liên quan đến tất cả các thành phần của bài nói: phát âm, cấu trúc, từ vựng, độ trôi chảy và nội dung. Một lý do khác có thể là từ sách giáo khoa. Sách giáo khoa là một công cụ rất quan trọng trong việc dạy và học. Như Richards và Rodgers (2014) đã nói, tài liệu giảng dạy là một yếu tố

quan trọng của chương trình giảng dạy vì chúng ấn định nội dung và xác định phạm vi bao trùm cho các mục của giáo trình. Có thể quan sát thấy rằng trong một số bối cảnh, giáo viên có xu hướng quá phụ thuộc vào sách giáo khoa và không xem xét các phương tiện hỗ trợ khác hoặc các tài liệu khác cho lớp học. Không khó để tìm thấy những cuốn sách giáo khoa không khơi dậy được hứng thú của sinh viên, đặc biệt là khi các chủ đề và ngữ liệu được đưa ra trước cho học sinh. Trong một số bối cảnh khác, giáo viên có thể dựa vào các nguồn tài liệu sách giáo khoa để tìm tài liệu bổ sung cho việc dạy nói của họ. Tuy nhiên, vẫn chưa rõ điều này xảy ra như thế nào và tại sao giáo viên muốn làm như vậy trong một số bối cảnh dạy nói tiếng Anh ở Việt Nam. Nghiên cứu này **“điều tra sự lựa chọn của giáo viên dạy tiếng Anh đối với các hoạt động ngoài sách giáo khoa để giảng dạy kỹ năng nói”**.

2. Mục đích nghiên cứu

Điều tra sự lựa chọn của giáo viên tiếng Anh về các hoạt động ngoài sách giáo khoa để dạy kỹ năng nói và khám phá các loại hoạt động mà giáo viên thường đưa vào lớp học của họ nếu họ có cơ hội, ngoài các hoạt động và nhiệm vụ trong sách giáo khoa. Bên cạnh đó, nó nhằm mục đích hiểu rõ hơn về các tiêu chí mà giáo viên sử dụng khi họ lựa chọn các hoạt động đó. Từ đó đề ra những kiến nghị sư phạm phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Tài liệu tổng quan

Theo Chaney and Burk (1998), nói là một quá trình xây dựng và chia sẻ tư duy của con người thông qua việc sử dụng các biểu tượng bằng lời nói và phi ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh khác nhau. Đồng quan điểm, Burns and Joyce (1997) cho rằng nói là một quá trình tương tác nhằm xây dựng ý nghĩa của việc sản xuất, tiếp nhận và xử lý thông tin. Kỹ năng nói bằng ngoại ngữ là khả năng diễn đạt bằng miệng một cách khéo léo và sử dụng đúng cách ngôn ngữ đó để giao tiếp có hiệu quả.

Tài liệu giảng dạy có thể được định nghĩa là bất kỳ chất liệu có hệ thống nào “đủ rộng để bao gồm các giáo án nhưng vẫn có thể chứa sách, gói thiết bị nghe nhìn, trò chơi hoặc bất kỳ loại hoạt động nào khác diễn ra trong lớp học ngoại ngữ” (Brown, 1995, p. 139). (Tomlinson, 2012) Hutchinson and Torres (1994) gợi ý rằng trong số các tài liệu giảng dạy khác nhau mà giáo viên sử dụng, sách giáo khoa có thể hỗ trợ giáo viên một cách nhất quán thông qua các quá trình thay đổi, chứng minh các phương pháp luận mới và những phương pháp chưa được thử nghiệm, giới thiệu sự thay đổi dần dần và tạo ra giàn bài để giáo viên có thể xây dựng sáng tạo hơn phương pháp luận của riêng họ. Như Richards and Rodgers (2014) đã nói, tài liệu giảng dạy là một yếu tố quan trọng của chương trình giảng dạy vì chúng ấn định nội dung và xác định phạm vi bao trùm cho các mục của giáo trình.

Hoạt động nói là các nhiệm vụ, bài tập, kỹ thuật mà giáo viên sử dụng chủ yếu trong lớp học để giúp học sinh luyện tập và nâng cao khả năng nói của mình. Các hoạt động nói có thể khác nhau về thời gian, tính chất, mức độ tương tác, mức độ cộng tác và mức độ phức tạp. Tùy thuộc vào mục tiêu của bài học và thời gian cho phép, giáo viên sẽ quyết định loại hoạt động nói mà cô ấy đưa vào lớp học. (Klinger, 1999) cũng chỉ ra rằng việc sử dụng sách giáo khoa cho các hoạt động nói nên tập trung ngoài phần văn bản trong sách giáo khoa thay vì xem nhiều văn bản và tìm kiếm giải pháp.

Cunningsworth (1995) đề xuất bốn tiêu chí của tài liệu dạy ngoại ngữ tốt, đặc biệt là sách giáo khoa. Đầu tiên, chúng phải tương ứng với nhu cầu của người học. Thứ hai, chúng phải phù hợp với mục tiêu của chương trình học ngôn ngữ. Thứ ba, chúng phải phản ánh cách mà người học sẽ tạo ra ngôn ngữ ở hiện tại và tương lai. Một tài liệu giảng dạy tốt sẽ không áp đặt một phương pháp cứng nhắc mà nó vẫn giúp học sinh sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả cho mục đích của mình và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập của học sinh. Thứ tư, họ phải có một vai trò rõ ràng trong việc hỗ trợ học tập. Tài liệu giảng dạy cũng làm trung gian giữa ngôn ngữ đích và người học. Tiêu chí của tài liệu dạy ngữ văn tốt dựa trên 4 yếu tố: yếu tố nội dung - liên quan đến nội dung và tổ chức tài liệu trong sách, yếu tố chương trình - dựa trên phương pháp luận, yếu tố sư phạm - liên quan đến cơ bản, tài liệu và thiết kế sư phạm của tài liệu, bao gồm cả việc lựa chọn các hoạt động và các loại bài tập, và các yếu tố xác thực.

Một nghiên cứu của Alarmin (2008) liên quan đến việc đánh giá sách giáo khoa tiếng Anh, được giới thiệu vào năm 2004, nhà nghiên cứu chỉ ra rằng các tiêu chí để lựa chọn tài liệu ngoài sách giáo khoa dựa trên các mức độ hài lòng khác nhau được trình bày với các tiêu chí theo sự phù hợp của chủ đề, phát triển kỹ năng, khả năng truyền đạt và tính linh hoạt.

- Tính phù hợp của chủ đề: các chủ đề phải phù hợp và cho phép học sinh tư duy sáng tạo
- Tính linh hoạt: Tài liệu có thể phục vụ cho các cấp độ khác nhau với nhiều hình thức khác nhau.
- Phát triển kỹ năng: Các tài liệu nghe và nói tốt được hiển thị và ghi lại một cách chân thực nhất có thể, kèm theo thông tin cơ bản, câu hỏi và hoạt động.
- Thiết kế và minh họa: Hình ảnh minh họa có thể kích thích học sinh sáng tạo
- Các chiến lược giảng dạy: Các chiến lược được sử dụng trong tài liệu cho phép học sinh nói nhiều hơn giáo viên và tập trung vào việc học lấy học sinh làm trung tâm.
- Kiểm tra: Tài liệu cung cấp các bài tập và hoạt động giao tiếp để giúp học sinh thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp trong đời sống thực.

Theo Sercu, Méndez García, & Castro Prieto (2004, p. 15), tầm quan trọng của các tiêu chí cụ thể khi lựa chọn vật liệu phải là:

- Mức độ mà cuốn sách có thể thúc đẩy học sinh;
- Mức độ đạt được của sách theo trình độ và lứa tuổi của học sinh;
- Các tài liệu bổ sung đi kèm với sách bao gồm sách bài tập, tài liệu nghe, văn bản, video, v.v...);
- Mức độ tài liệu đáp ứng các yêu cầu ngoại khóa;
- Mức độ phù hợp giữa số lượng tài liệu cung cấp và số tiết học được giao cho môn học;

Krashen (1985) khuyến nghị rằng giáo viên nên lồng ghép các hoạt động khác nhau trong mỗi bài học để đáp ứng nhu cầu của người học. Sự tương tác cần được cung cấp một cách tự nhiên thông qua các hoạt động mà ở đó người học thực sự có cơ hội sử dụng ngôn ngữ đích để đạt được mục đích giao tiếp. Do đó, các hoạt động sử dụng/ thực hành ngôn ngữ là điều cần thiết để phát triển kỹ năng nói.

Các dạng hoạt động hỗ trợ cho dạy nói/hoạt động ngoài sách giáo khoa thường gặp:

Lồng tiếng video (Video dubbing): Theo Burston (2005), Lồng tiếng video mang đến cơ hội tuyệt vời để phát triển kỹ năng ngoại ngữ bằng lời nói, đặc biệt cho những người học nói tiếng Anh ở mọi cấp độ. Lồng tiếng Video là một trong những kỹ thuật dạy học hiện đại. Trong thời hiện đại, giáo viên nên sáng tạo và đổi mới (Win Arko, 2012). Phương pháp lồng tiếng phim mang đến cơ hội bắt chước cách phát âm và ngữ điệu tiếng Anh với ngữ cảnh (Chiu, 2012).

Động não (Brainstorming): Động não là một hoạt động được sử dụng để tạo ra các ý tưởng trong các nhóm nhỏ. Mục đích là tạo ra càng nhiều ý tưởng càng tốt trong một khoảng thời gian cụ thể. Hamzah, Ting, and Pendidikan (2010) nhận thấy rằng sinh viên tự tin hơn và có động lực để thể hiện ý tưởng của mình khi họ động não trong các nhóm nhỏ. Cullen (1998) tin rằng các hoạt động động não khuyến khích học sinh trở thành những người học tốt hơn, đặc biệt khi học sinh trình độ thấp có thể học từ những người giỏi hơn. Có nhiều loại hoạt động động não bao gồm động não nhỏ, lập bản đồ (từ vựng), cụm từ, thay đổi từ, dự đoán, kể chuyện và v.v...

Mô phỏng (Simulation): Hoạt động mô phỏng rất giống với hoạt động đóng vai nhưng khác với đóng vai là chúng phức tạp hơn. Trong mô phỏng, học sinh có thể mang các vật phẩm đến lớp để tạo ra một môi trường thực tế. Điều này làm cho không khí trong lớp học vui vẻ và thoải mái hơn. Nhập vai và mô phỏng có nhiều lợi thế. Thứ nhất, vì chúng mang tính giải trí, chúng tạo động lực cho học sinh. Thứ hai, Harmer (2007) gợi ý rằng chúng giúp tăng cường sự tự tin của những sinh viên còn do dự, bởi vì trong các hoạt động đóng vai và mô phỏng, họ sẽ nói trong vai của người khác.

Khoảng trống thông tin (Information-gap): Theo Ur (1996), các hoạt động trong khoảng trống thông tin có thể làm cho học sinh tham gia tích cực vào quá trình học tập. Nó có lợi cho sự tương tác trong lớp học. Khoảng cách thông tin là một loại nhiệm vụ đặc biệt thú vị dựa trên nhu cầu hiểu hoặc truyền tải thông tin để tìm ra những gì có trong bức tranh (Ur, 1996). Matthews (1991) cho rằng các hoạt động khoảng cách thông tin được thiết kế để đưa sinh viên tiến thêm một bước để có thể xử lý giao tiếp thực tế hơn. Hoạt động khoảng cách thông tin được coi là nhằm mục đích phát triển trí thông minh của học sinh cũng như khả năng giao tiếp và tương tác trong tình huống thực tế. Có nhiều loại khoảng trống thông tin khác nhau như: trò chơi đoán, xếp thứ tự, phát hiện sự khác biệt và trò chơi trí nhớ.

Kể chuyện (Storytelling): Học sinh có thể tóm tắt ngắn gọn một câu chuyện mà họ đã nghe từ ai đó trước đây, hoặc họ có thể tạo ra câu chuyện của riêng mình sau đó kể cho các bạn cùng lớp. Kể chuyện thúc đẩy tư duy sáng tạo. Nó cũng giúp học sinh trình bày ý tưởng của mình từng bước ở phần đầu, phần phát triển và phần kết thúc. Học sinh cũng có thể kể câu đố hoặc truyện cười. Bằng cách này, giáo viên không chỉ giải quyết được khả năng nói của học sinh mà còn khiến học sinh chú ý vào bài học.

Phòng vấn (Interviews): Sinh viên có thể thực hiện các cuộc phỏng vấn về các chủ đề đã chọn với nhiều người khác nhau. Giáo viên cung cấp phiếu đánh giá cho học sinh để học sinh biết mình có thể hỏi loại câu hỏi nào hoặc con đường đi theo hướng nào. Thực hiện các cuộc phỏng vấn với các bạn cùng lớp có thể giúp sinh viên có cơ hội thực hành cách nói đích thực không chỉ trong lớp mà còn ở bên ngoài và giúp họ trở nên hòa đồng.

Hoàn thành câu chuyện (Story Completion): Đây là hoạt động nói tự do cho cả lớp. Đối với hoạt động này, giáo viên bắt đầu kể một câu chuyện, nhưng sau một vài câu, giáo viên sẽ ngừng kể lại. Sau đó, mỗi học sinh bắt đầu kể lại từ điểm mà người trước đã dừng lại và sau đó phải thêm từ bốn đến mười câu để tiếp tục câu chuyện. Họ có thể tự mình tạo ra câu chuyện với các nhân vật, sự kiện, mô tả mới, v.v...

Báo cáo (Reporting): Trước khi đến lớp, học sinh được yêu cầu đọc báo hoặc tạp chí. Sau đó, họ báo cáo cho bạn bè và giáo viên của họ những gì họ tìm thấy là tin tức thú vị nhất trong lớp. Học sinh cũng có thể nói về việc họ đã trải qua bất cứ điều gì đáng để kể với bạn bè trong cuộc sống hàng ngày.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này đã được thực hiện theo cả phương pháp định tính và định lượng. Dữ liệu định lượng được thu thập bằng bảng câu hỏi sẽ tìm hiểu mức độ hài lòng của giảng viên đối với sách giáo khoa hiện hành về hoạt động dạy nói để biết lý do tại sao họ chọn đưa các hoạt động ngoài sách giáo khoa. Bên cạnh đó, cuộc phỏng vấn định tính được thực hiện nhằm tìm hiểu chi tiết lý do giảng viên lựa chọn các hoạt động ngoài sách giáo khoa.

4.1. Câu hỏi nghiên cứu.

Ba câu hỏi chính đã được đưa ra cho nghiên cứu này:

1. Những loại hoạt động ngoài sách giáo khoa nào mà giảng viên EFL thường sử dụng trong các lớp học nói của họ?
2. Các hoạt động này sử dụng các hoạt động này ở những giai đoạn nào?
3. Tại sao họ chọn những hoạt động này cho các lớp học nói của họ?

4.2. Ứng viên.

Đối tượng nghiên cứu là 20 giảng viên ở một trường đại học dân lập ở thành phố Cần Thơ. Độ tuổi của họ vào khoảng 28 tuổi đến 40 tuổi. Tất cả các giáo viên đều có bằng thạc sĩ chính quy chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giảng viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp. Hầu hết các giảng viên đều đã có chứng chỉ giáo dục về Kiểm tra năng lực tiếng Anh theo tiêu chuẩn Việt Nam trình độ C1.

4.3. Công cụ nghiên cứu.

Các công cụ được bao gồm bảng câu hỏi và một cuộc phỏng vấn bán cấu trúc.

Câu hỏi nghiên cứu	Công cụ
1. Những loại hoạt động ngoài sách giáo khoa nào mà giảng viên EFL thường sử dụng trong các lớp học nói của họ?	- Bảng câu hỏi - Phỏng vấn
2. Các hoạt động này sử dụng các hoạt động nào ở những giai đoạn nào?	- Bảng câu hỏi - Phỏng vấn
3. Tại sao họ chọn những hoạt động này cho các lớp học nói của họ?	- Phỏng vấn

4.4. Bảng câu hỏi.

Nhóm 1	Cụm 1 Mức độ hài lòng của giảng viên đối với sách giáo khoa hiện hành về hoạt động dạy nói.	Câu hỏi 1 - 11
Nhóm 2	Các hoạt động ngoài sách giáo khoa mà giảng viên có thể chọn mang đến lớp học nếu họ có cơ hội	Câu hỏi 12 - 22
Nhóm 3	Nguồn tài liệu cho các hoạt động ngoài sách giáo khoa	Câu hỏi 23 - 25
Nhóm 4	Ở giai đoạn nào của giờ học, giảng viên quyết định tích hợp các hoạt động ngoài sách giáo khoa.	Câu hỏi 26 - 31
Nhóm 5	Lý do giảng viên quyết định để tích hợp - bổ sung các hoạt động này vào giờ học.	Câu hỏi 32 - 47

4.5. Phỏng vấn

Patton (1990) nói rằng mục đích của phỏng vấn là để tìm hiểu suy nghĩ của người khác. Vì vậy, thông qua phỏng vấn, nhà nghiên cứu có thể thu thập thông tin liên quan trực tiếp đến mục tiêu của nhà nghiên cứu. Mục đích của cuộc phỏng vấn trong nghiên cứu này là để tìm hiểu suy nghĩ, cảm xúc, phản ứng, kỳ vọng của giảng viên đối với việc lựa chọn các hoạt động ngoài sách giáo khoa để thúc đẩy sự tương tác trong giảng dạy, những yếu tố nào ảnh hưởng đến chiến lược giảng dạy của họ. Năm câu hỏi chính được đưa ra bằng tiếng Việt để hiểu rõ hơn quan điểm của người tham gia. Mỗi cuộc phỏng vấn dài khoảng 20 - 30 phút.

Chủ đề của các câu hỏi là về:

(1) Sự hài lòng của giáo viên đối với sách giáo khoa hiện hành về việc sử dụng các hoạt động của sách giáo khoa để dạy nói

(2) Các hoạt động phổ biến trong sách giáo khoa mà giáo viên chọn đưa vào lớp học khi họ có cơ hội

(3) Lý do tại sao giáo viên có và không sử dụng các hoạt động sách giáo khoa trong lớp học của họ.

(4) Các nguồn lấy từ các hoạt động ngoài sách giáo khoa.

(5) Tần suất các hoạt động này được sử dụng

4.6. Phân tích dữ liệu

Gói thống kê cho Khoa học xã hội (SPSS 20.0 cho Windows) được sử dụng để phân tích dữ liệu định lượng từ bảng câu hỏi. Đầu tiên, Scale Test được chạy để kiểm tra độ tin cậy của bảng câu hỏi. Tiếp theo, thống kê mô tả (Descriptive Statistic) được sử dụng để tính mức độ trung bình (Mean), mức độ tối đa (Max), mức độ tối thiểu (Min) và độ lệch chuẩn (Sd) của dữ liệu. Cuối cùng, One Sample t-Test đã được dùng để kiểm tra sự khác biệt đáng kể giữa giá trị trung bình mẫu và giá trị thử nghiệm.

5. Kết quả nghiên cứu

Sau khi dữ liệu định lượng được mã hóa và được thử nghiệm, trên 47 mục của các nhóm trong bảng câu hỏi cho thấy hệ số tin cậy là có thể chấp nhận được ($\alpha = 0,727$). Điều này cho thấy dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này là đáng tin cậy.

5.1. Mức độ hài lòng của giáo viên

Bảng 1. Mức độ hài lòng của giáo viên đối với các hoạt động dạy nói trong sách giáo khoa.

Biến	N	Min.	Max.	Mean	Std. Deviation
Mức độ hài lòng chung của giảng viên đối với các hoạt động trong sách giáo khoa hiện hành	20	1.55	4.00	2.6136	.74493

Điểm trung bình của bảng câu hỏi trong Bảng 1 là ($M = 2,6$). Điều này có nghĩa là điểm trung bình của thang 5 điểm về mức độ hài lòng. Nó chỉ ra rằng giáo viên nói chung cảm thấy hài lòng với sách giáo khoa hiện hành của họ trong việc dạy kỹ năng nói.

Bảng 2. Điểm trung bình về mức độ hài lòng của giáo viên đối với việc sự hòa hợp của các chủ đề, nhiệm vụ, hoạt động trong sách giáo khoa

Biến	N	Min.	Max.	Mean	Std. Deviation
Mức độ hài lòng đối với sự hòa hợp của các hoạt động, chủ đề và nhiệm vụ trong sách giáo khoa	20	1.00	4.00	2.3500	.93330

Trong Bảng 2, mức độ hài lòng thấp nhất được thể hiện qua phản hồi của giáo viên ở mục “sự hòa hợp của các chủ đề, nhiệm vụ, hoạt động trong sách giáo khoa” ($M = 2,35$). Dữ liệu sau đó cho thấy rằng mặc dù sự hài lòng chung của họ đối với các hoạt động dạy nói của sách giáo khoa hiện hành, nhưng những giáo viên được điều tra vẫn cần có những hoạt động dạy học phù hợp hơn trong việc dạy nói để học sinh có cơ hội tham gia học nói nhiều hơn.

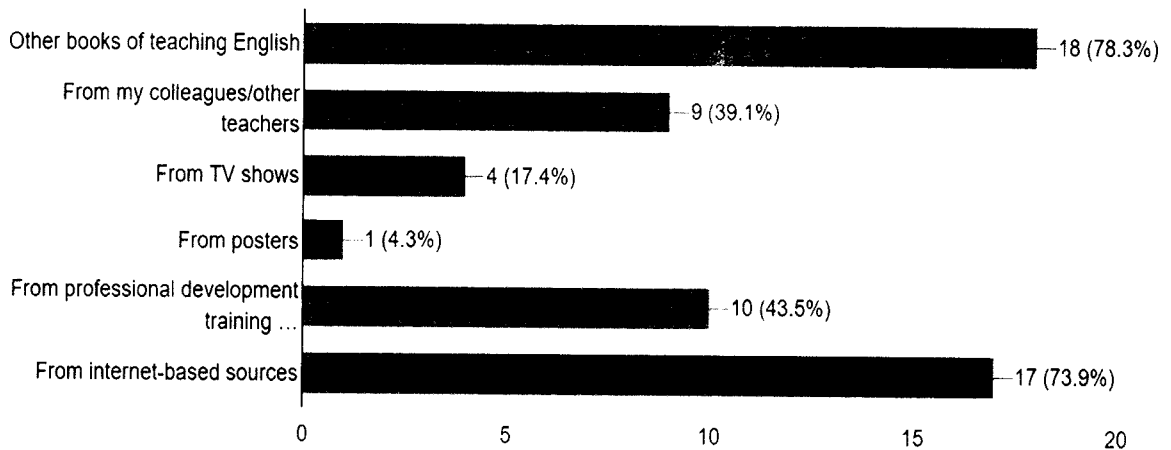
Sau đó, One Sample t-Test đã được chạy để kiểm tra xem sự hài lòng của người tham gia đối với các chủ đề, nhiệm vụ, hoạt động trong sách giáo khoa để dạy nói. Kết quả cho thấy rằng có sự khác biệt đáng kể giữa giá trị trung bình mẫu ($M = 2,35$, $SD = 0,933$) và giá trị thử nghiệm 2,0 ($t = 1,677$, $df = 19$, $p = 0,110$). Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của giáo viên đối với sự hòa hợp giữa các chủ đề, nhiệm vụ và hoạt động trong sách giáo khoa là không cao.

5.2. Các hoạt động ngoài sách giáo khoa

Trong số các hoạt động được liệt kê là Đóng vai, Mô phỏng, Khoảng trống thông tin, Động não, Kể chuyện, Phỏng vấn, Hoàn thành câu chuyện, Vẽ mô tả, Mô tả đoạn truyện tranh và Thảo luận và Tranh luận. Nói chung, Động não ($M = 1,3$, 73,9%) được báo cáo là được sử dụng phổ biến hơn các hoạt động khác. Bên cạnh đó, hai sự thật-một lời nói dối ($M = 3,45$,

4,4%) được cho là ít được sử dụng nhất. Đặc biệt, có một số hoạt động ngoài sách giáo khoa mà đôi khi giáo viên sử dụng khi có cơ hội bao gồm Mô phỏng ($M = 2,3$, 56,5%), Phòng vấn ($M = 1,75$, 43,5%), Hoàn thành câu chuyện ($M = 2,4$, 43,5%), Vẽ mô tả ($M = 1,6$, 56,5%).

5.3. Các nguồn của các hoạt động ngoài sách giáo khoa



Dữ liệu cho thấy các giáo viên tìm đến nhiều nguồn khác nhau khi đề cập đến các hoạt động dạy Nói. Những nguồn này khác nhau từ những gì họ học được sau đại học (chủ yếu là MA và TESOL), từ Internet, học hỏi từ đồng nghiệp của họ và từ các giáo viên cũ của họ.

5.4. The stage of integrating activities out of the textbook in speaking class

Phân tích dữ liệu phỏng vấn cho thấy hầu hết giáo viên áp dụng hoạt động phụ trước hoạt động chính trong sách giáo khoa (56,5%) và sau hoạt động chính là hoạt động mở rộng, sau hoạt động nói (65,2%).

5.5. Teachers' decisions of (not) modifying activities out of the textbook

Một bài kiểm tra thống kê mô tả được thực hiện để kiểm tra điểm trung bình về quyết định của giáo viên đối với việc giữ hoặc sửa đổi các hoạt động ngoài sách giáo khoa khi họ đưa các hoạt động này vào lớp học của họ. Điểm trung bình của các mục dao động từ $M = 1,10$ đến $M = 2,20$ theo thang điểm Likert (1 = (rất) thường xuyên, 2 = đôi khi, 3 = Không ý kiến, 4 = Ít khi, 5 = Không bao giờ). Nó chỉ ra rằng giáo viên có xu hướng sửa đổi các hoạt động mà họ tìm thấy rất thường xuyên. Đặc biệt, sửa đổi để làm cho nó đơn giản hơn hoặc khó hơn để phù hợp hơn với học sinh của họ ($M = 1.10$, $Sd = .30779$). Sau đó, một Bài kiểm tra tần suất được chạy trên điểm trung bình, phần trăm mức độ tần suất của 6 mục. Kết quả cho thấy phần lớn việc sửa đổi chủ yếu dựa vào trình độ của học sinh để đơn giản hơn hoặc khó hơn sao cho phù hợp với học sinh hơn (100%) và phụ thuộc vào thời gian của giáo viên (90%).

Đặc biệt, các giáo viên khẳng định rằng họ sửa đổi để hỗ trợ nhiều hơn trong khi học sinh của họ thực hiện các hoạt động (90%) cũng như cung cấp nhiều phản hồi hơn về cuối cùng cho học sinh của họ (95%).

Bảng 4.6. Giáo viên quyết định sửa đổi hoặc không sửa đổi các hoạt động ngoài sách giáo khoa

Biến	N	Min.	Max.	Mean	Std. Deviation
Tôi giữ nguyên bản gốc của hoạt động	20	1.00	4.00	2.2000	.89443
Tôi thực hiện một số thay đổi để làm cho nó đơn giản hơn / khó hơn để phù hợp hơn với sinh viên của tôi	20	1.00	2.00	1.1000	.30779
Tôi thay đổi thời gian của hoạt động để phù hợp với thời gian lớp tôi có	20	1.00	3.00	1.3500	.67082
Tôi cung cấp thêm hướng dẫn và giải thích trước để giúp sinh viên của tôi hiểu nó trước khi họ làm nhiệm vụ.	20	1.00	5.00	1.3500	.98809
Tôi hỗ trợ nhiều hơn trong khi sinh viên của tôi đang làm việc đó	20	1.00	4.00	1.5500	.82558
Cuối cùng thì tôi cung cấp nhiều phản hồi hơn cho sinh viên của mình.	20	1.00	3.00	1.2500	.55012

5.6. Thảo luận

Một vấn đề cần được trao đổi là thời gian giảng dạy trên lớp. Trong nghiên cứu của (Nguyen, Fehring, & Warren, 2015) cho thấy, đa số giáo viên Đại học Công nghệ TP. HCM (HUTECH) cho rằng họ không có đủ thời gian để dạy kỹ năng nói mặc dù họ rất muốn thực hiện các hoạt động này. Thời lượng dạy tiếng Anh trong mỗi học kỳ là đủ nếu giáo viên chỉ dạy học sinh ngữ pháp, từ vựng, đọc, viết và nghe. Không đủ thời gian nếu giáo viên muốn thêm các hoạt động nói.

Nghiên cứu đã mang lại một số phát hiện quan trọng. Thứ nhất, đa số giáo viên chưa hài lòng với việc đưa các chủ đề, nhiệm vụ, hoạt động vào sách giáo khoa. Họ thích chọn các hoạt động ngoài sách giáo khoa làm tài liệu bổ sung cho việc dạy nói trong bối cảnh giảng dạy của họ. Thứ hai, hầu hết các hoạt động ngoài sách giáo khoa bao gồm Đóng vai, Mô phỏng, Khoảng trống thông tin, Động não, Kể chuyện, Phỏng vấn, Hoàn thành câu chuyện, Vẽ mô tả, Mô tả đoạn truyện tranh và Thảo luận và Tranh luận được sử dụng trong các bài học nói nhưng với tần suất khác nhau tùy thuộc vào học sinh mức độ thành thạo. Thứ ba, giáo viên thích sửa đổi các hoạt động hơn là giữ nguyên bản gốc để họ có thể hỗ trợ nhiều hơn cho học sinh và phù hợp với thời gian mà họ có. Thứ tư, các hoạt động ngoài SGK thường được sử dụng sau hoạt động chính như một hoạt động nói, mở rộng.

Những phát hiện đã làm sáng tỏ cách giáo viên lựa chọn và sử dụng các hoạt động bổ sung cho việc dạy nói. Nghiên cứu cũng cung cấp thêm hiểu biết về lý do tại sao các tài liệu, hoạt động này được đưa vào lớp học trong các bài học nói. Nó cho thấy những nỗ lực của giáo viên trong việc thiết kế bài học của họ một cách hợp lý và sử dụng các tài liệu sách giáo khoa một cách hiệu quả để tạo ra một môi trường giao tiếp cho học sinh của họ. Nó phù hợp với một nghiên cứu của Ismaili & Bajrami (2016), người đã tuyên bố rằng việc sử dụng một số hoạt động từ bên ngoài sách giáo khoa có thể giúp học sinh cải thiện kỹ năng nói và cảm thấy tự tin hơn khi nói tiếng Anh. Dựa trên kết quả phân tích dữ liệu, có thể kết luận rằng các hoạt động ngoài sách giáo khoa đã được lồng ghép hoặc sửa đổi để bổ sung cho các hoạt động trong sách giáo khoa và mang lại hiệu quả hơn trong các lớp học nói. Nó nhằm mục đích bổ sung cho những gì được coi là còn thiếu trong sách giáo khoa và thúc đẩy sự tương tác của học sinh khi nói. Ngoài ra, các giáo viên cũng muốn khuyến khích sự tham gia tích cực của học sinh vào việc học nói và thúc đẩy các em học nói. Cụ thể, nó được thể hiện qua phản ứng của giáo viên trong dữ liệu bảng câu hỏi. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn cũng cho thấy các giáo viên cho rằng các hoạt động ngoài sách giáo khoa có tác động tích cực đến khả năng nói cũng như sự tự tin của học sinh.

6. Ý nghĩa sư phạm

Các phát hiện của nghiên cứu này có một số ý nghĩa sư phạm hữu ích trong việc điều chỉnh các hoạt động nói trong sách giáo khoa để linh hoạt hơn với thời gian giảng dạy cũng như phù hợp hơn với trình độ và ngữ cảnh của học sinh.

6.1. Ý nghĩa đối với giáo viên

Kết quả nghiên cứu cho thấy các hoạt động ngoài sách giáo khoa có hiệu quả trong các lớp học nói. Nó có thể hỗ trợ giáo viên dạy nói cũng như thúc đẩy học sinh học nói. Do đó, giáo viên nên tạo cơ hội tối đa cho học sinh nói ngôn ngữ đích bằng cách cung cấp các tài liệu đích thực bao gồm bốn yếu tố: sự tham gia của người học, bối cảnh lớp học, tương tác trong lớp và nội dung của tài liệu (Kessler, 1997) cũng như nắm vững các kỹ thuật cho từng hoạt động dạy học khi họ áp dụng các hoạt động ngoài sách giáo khoa trong lớp học của họ. Nó bao gồm kỹ thuật phân nhóm, thiết lập tình huống, đặt câu hỏi.

- Về kỹ thuật đặt câu hỏi, giáo viên cần lưu ý một số yêu cầu sau: Câu hỏi phải liên quan trực tiếp đến chủ đề mục tiêu bài học; câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, đúng lúc, đúng chỗ, phù hợp với trình độ học sinh. Câu hỏi phải kích thích tư duy của học sinh nhằm khuyến khích sự phát triển nhận thức và ngôn ngữ của học sinh, giáo viên không nên gộp nhiều nội dung trong một câu hỏi mà hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc để học sinh dễ trả lời.

- Giáo viên không nên chia học sinh thành quá nhiều hoặc quá ít nhóm. Bên cạnh đó, giáo viên cũng cần thiết lập thời gian thảo luận cụ thể cho các nhóm. Điều quan trọng là quan sát các nhóm thảo luận và giúp đỡ kịp thời trong trường hợp các nhóm gặp khó khăn.

- Về thiết lập tình huống, giáo viên có thể lựa chọn nội dung hoặc tình huống phù hợp trong bối cảnh nhất định liên quan đến bài học (đôi khi có sự hỗ trợ của giáo cụ trực quan) để khuyến khích học sinh đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề. Như vậy, học sinh sẽ không tiếp thu bài một cách thụ động mà có thể vận dụng trí óc, tham gia tích cực vào quá trình học tập. Thay vì dẫn dắt học sinh đến sự ghi nhớ thuần túy, hãy cung cấp một môi trường phong phú để việc giao tiếp có ý nghĩa diễn ra.

- Về việc gửi phản hồi, giáo viên nên chỉ ra những dấu hiệu tích cực khi nhận xét về câu trả lời của học sinh hoặc đặt câu hỏi gợi mở để gợi ý học sinh nói nhiều hơn. Giáo viên không nên sửa lỗi phát âm của học sinh ngay trong khi học sinh đang nói vì điều này có thể làm học sinh mất tập trung vào bài phát biểu của mình.

6.2. Ý nghĩa đối với các nhà đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý

Đối với ban giám hiệu - lãnh đạo nhà trường, là những người có trách nhiệm lựa chọn tài liệu giảng dạy, thiết kế chương trình giảng dạy và đào tạo giáo viên tiếng Anh. Họ có thể nghĩ đến những gợi ý sau:

- Việc lựa chọn tài liệu giảng dạy phải phù hợp với nhu cầu của người học, phù hợp với mục đích của việc học ngoại ngữ, phản ánh cách thức mà người học sẽ tạo ra ngôn ngữ ở hiện tại và tương lai, có vai trò rõ ràng trong việc hỗ trợ học tập, cũng như làm trung gian giữa ngôn ngữ đích và người học.

- Đối với việc thiết kế chương trình giảng dạy, mô hình giảng dạy phải phù hợp với giáo viên sử dụng chúng. Các nguyên tắc sư phạm được hiển thị trong tài liệu giảng dạy phải phù hợp với chương trình học. Mục tiêu ngôn ngữ nên thích ứng với nhu cầu của học sinh trong cuộc sống thực. Thời lượng dạy học được phân bổ trong từng đơn vị bài học cần linh hoạt so với mục tiêu của bài học.

- Đối với việc đào tạo giáo viên tiếng Anh, người quản lý giáo viên nên tổ chức các chương trình đào tạo có thể hỗ trợ việc giảng dạy nói tiếng Anh để hướng dẫn nói tiếng Anh hiệu quả trong ngữ cảnh EFL. Bên cạnh đó, họ cũng có thể hỗ trợ giáo viên rèn luyện kỹ năng lựa chọn chủ đề phù hợp, kỹ năng tạo động lực cho học sinh, kỹ năng lập kế hoạch các nhiệm vụ và hoạt động hiệu quả khơi dậy hứng thú của học sinh và phù hợp với trình độ ngôn ngữ của các em vì hoạt động nói cần được thực hiện một cách thận trọng trong việc chuẩn bị các nhiệm vụ có ý nghĩa để kích hoạt giao tiếp bằng ngôn ngữ đích.

6.3. Ý nghĩa đối với người viết sách giáo khoa

Đối với việc thiết kế sách giáo khoa, người viết sách giáo khoa có thể xem xét các tiêu chí của sách giáo khoa ngoại ngữ do Cunningsworth (1995) đề xuất bao gồm sự phù hợp về nội dung, phương pháp luận và tính xác thực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alharbi, H. A. (2015). Improving Students' English Speaking Proficiency in Saudi Public Schools. *International Journal of Instruction*, 8(1), 105-116. Retrieved from <https://eric.ed.gov/?id=EJ1085263>
- [2] Bailey, K. M. (2006). Issues in teaching speaking skills to adult ESOL learners. *Review of Adult Learning and Literacy*, 6, 113-164.
- [3] Brown, J. D. (1995). *The Elements of Language Curriculum: A Systematic Approach to Program Development*. Heinle & Heinle Publishers, 20 Park Plaza, Boston, MA 02116.
- [4] Burns, A., & Joyce, H. (1997). *Focus on Speaking*. National Centre for English Language Teaching and Research, Macquarie University, Sydney, New South Wales, Australia 2109 (\$26).
- [5] Burston, J. (2005). Video dubbing projects in the foreign language curriculum. *Calico Journal*.
- [6] Cathcart, R. L. (1989). Authentic Discourse and the Survival English Curriculum. *TESOL Quarterly*, 23(1), 105-126. doi: 10.2307/3587510
- [7] Chan, J. Y. H. (2013). The Role of Situational Authenticity in English Language Textbooks. *RELC Journal*, 44(3), 303-317. doi: 10.1177/0033688213500583
- [8] Chaney, A. L., & Burk, T. L. (1998). *Teaching Oral Communication in Grades K-8*. Allyn and Bacon, Order Processing, P.
- [9] Chiu, Y. (2012). Can film dubbing projects facilitate EFL learners' acquisition of English pronunciation? *British Journal of Educational Technology*, 43(1), E24-E27.
- [10] Cullen, B. (1998). Brainstorming before speaking tasks. *The Internet TESL Journal*, 4(7), 1.
- [11] Cunningsworth, A. (1995). *Choosing your coursebook*. Oxford: Heinemann. Retrieved from <http://create.canterbury.ac.uk/8079/>
- [12] Ellis, R. (1997). The empirical evaluation of language teaching materials. *ELT Journal*, 51(1).
- [13] Gilmore, A. (2007). Authentic materials and authenticity in foreign language learning. *Language Teaching*, 40(2), 97-118. doi: 10.1017/S0261444807004144
- [14] Hamzah, M. H., Ting, L. Y., & Pendidikan, F. (2010). *Teaching speaking skills through group work*
- [15] Activities: A case study in SMK Damai Jaya. A Case Study.
- [17] Harmer, J. (2007). *The practice of English language teaching*. Harlow: Pearson Longman,.
- [18] Haycraft, J. (1998). *Adventures of a Language Traveller: An Autobiography*. Constable.
- [19] Kessler, C. (1997). Authenticity in K-12 ESL Textbooks. Retrieved from <https://eric.ed.gov/?id=ED407859>
- [20] Klinger, W. (1999). Unrehearsed speaking activities for language learning. *Academic Reports of the University Center For Intercultural Education, The University of Shiga Prefecture*, 4.

-
- [21] Krashen, S. D. (1985). *Inquiries & insights: Second language teaching: Immersion & bilingual education, literacy*. Alemany Press.
- [22] McGrath, I. (2013). *Teaching Materials and the Roles of EFL/ESL Teachers: Practice and Theory*. A&C Black.
- [23] Nation, P., & Chung, T. (2009). Teaching and testing vocabulary. In *The handbook of language teaching*.
- [24] Nguyen, H. T., Fehring, H., & Warren, W. (2015). EFL Teaching and Learning at a Vietnamese University: What Do Teachers Say?. *English Language Teaching*, 8(1), 31-43.
- [25] Penaflorida, A. H. (1995). The process of materials development: A personal experience. *Getting Started: Materials Writers on Materials Writing*, 172-186.
- [26] Richards, J. C. (2001). The role of textbooks in a language program. *RELC Guidelines*, 23(2).
- [27] Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2014). *Approaches and Methods in Language Teaching*. Cambridge University Press.
- [28] Sercu, L., Méndez García, M. del C., & Castro Prieto, P. (2004). Culture teaching in foreign language education. EFL teachers in Spain as cultural mediators.
- [29] Sheldon, L. E. (1988). Evaluating ELT textbooks and materials. *ELT Journal*, 42(4), 237-246.
- [30] Tomlinson, B. (2003). *Developing Materials for Language Teaching*. A&C Black.
- [31] Tomlinson, B. (2012). Materials development for language learning and teaching. *Language Teaching*, 45(2), 143-179. doi: 10.1017/S0261444811000528.